ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

KẾT QUẢ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM KIỂM TRA SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV
MÔN DỰ TUYỂN: MĨ THUẬT

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Duy Tiên)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi ch
1	TH 111	Hoàng Văn Chiến	Nam	13/02/1986	Hoàng Đông - Duy Tiên	69,03	76,67	60	265,7		
2	TH 112	Hoàng Thùy Dung	Nữ	28/9/1985	Hòa Mạc - Duy Tiên	72,20	87,50	50	259,7		
3	TH 113	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	12/11/1982	Yên Bắc - Duy Tiên	69,44	66,67	53	242,11		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Vũ Trung

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Vũ Hữu Dũng

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Hồng Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

KẾT QUẢ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM KIỂM TRA SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV
MÔN DỰ TUYỂN: TIN HỌC

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Duy Tiên)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	TH 114	Phạm Thị Dung	Nữ	06/12/1982	Châu Giang - Duy Tiên	64,76	82,50	54	255,26		
2	TH 115	Trần Quốc Hưng	Nam	13/3/1989	Đọi Sơn - Duy Tiên	62,55	75,00	15	167,55		
3	TH 116	Trần Thị Hương	Nữ	11/3/1988	Tiên Hải - Phủ Lý	73,21	85,00	63	284,21		Con bệnh bi
4	TH 117	Đỗ Thị Thanh Mai	Nữ	17/4/1992	Trác Văn - Duy Tiên	64,50	64,50	50	229		
5	TH 118	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Nữ	30/8/1988	Hoàng Đông - Duy Tiên	70,20	80,00	51	252,2		
6	TH 119	Vũ Thị Tân	Nữ	28/4/1989	Thanh Hải - Thanh Liêm	66,63	75,00	73	287,63		
7	TH 120	Đỗ Thị Hồng Thái	Nữ	19/11/1988	Hoàng Đông - Duy Tiên	79,11	90,00	51	271,11		
8	TH 121	Nghiêm Đức Trọng	Nam	14/7/1989	Châu Giang - Duy Tiên	67,14	75,00	54	250,14		
9	TH 122	Đặng Trần Tuyển	Nam	05/9/1993	Châu Sơn - Duy Tiên	71,70	70,00	54	249,7		
10	TH 123	Nguyễn Thị Vân	Nữ	14/9/1985	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	65,11	60,00	78	281,11	Con thương binh	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Vũ Trung

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Vũ Hữu Dũng

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Hồng Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

KẾT QUẢ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM KIỂM TRA SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV
MÔN DỰ TUYỂN: TIẾNG ANH

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Duy Tiên)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	TH 124	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	09/11/1993	Yên Bắc - Duy Tiên	69,82	75,00	62	268,82		
2	TH 125	Trần Thị Thu Dung	Nữ	26/8/1977	Châu Giang - Duy Tiên	62,16	75,00	65	267,16		
3	TH 126	Lương Thị Huế	Nữ	02/9/1987	Mộc Nam - Duy Tiên	68,91	70,00	62	262,91		
4	TH 127	Nguyễn Thanh Mai	Nữ	22/12/1992	Nhân Thịnh - Lý Nhân	76,55	85,00	87	335,55		
5	TH 128	Ngô Thị Nam	Nữ	07/3/1993	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	75,09	80,00	68	291,09		
6	TH 129	Vũ Thị Vui	Nữ	27/2/1977	Châu Giang - Duy Tiên	58,11	60,00	67	252,11	Con thương binh	
7	TH 130	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	07/10/1992	Châu Giang - Duy Tiên	71,82	80,00	71	293,82		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Vũ Trung

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Vũ Hữu Dũng

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Hồng Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

KẾT QUẢ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM KIỂM TRA SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV
MÔN DỰ TUYỂN: THỂ DỤC

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Duy Tiên)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	TH 131	Nguyễn Cao Cường	Nam	17/7/1991	Đồng Văn - Duy Tiên	72,89	72,50	65	275,39	Con TB; hoàn thành NVQS	
2	TH 132	Lê Văn Diệp	Nam	14/5/1989	Châu Sơn - Duy Tiên	72,24	83,33	55	265,57		
3	TH 133	Nguyễn Quang Đạo	Nam	20/10/1990	Tiên Nội - Duy Tiên	75,71	83,33	59	277,04		
4	TH 134	Hoàng Thị Thu Hiền	Nữ	02/9/1988	Yên Bắc - Duy Tiên	69,80	71,67	54	249,47		
5	TH 135	Trần Thị Huyền	Nữ	14/4/1991	Châu Giang - Duy Tiên	77,02	95,00	75	322,02		
6	TH 136	Bùi Thị Khánh	Nữ	24/3/1984	Bạch Thượng - Duy Tiên	77,33	86,67	64	292		
7	TH 137	Vũ Thị Phương Lan	Nữ	22/10/1991	Yên Nam - Duy Tiên	77,23	95,00	52	276,23	Con thương binh	
8	TH 138	Nguyễn Thị Hương Liên	Nữ	26/6/1988	Tiên Nội - Duy Tiên	79,78	93,33	66	305,11		
9	TH 139	Chu Thị Hồng Liên	Nữ	24/8/1990	Yên Bắc - Duy Tiên	77,76	83,33	79	319,09		
10	TH 140	Nguyễn Thùy Lương	Nữ	24/8/1989	Yên Nam - Duy Tiên	72,63	76,67	69	287,3		
11	TH 141	Trần Thị Mai	Nữ	04/11/1989	Trác Văn - Duy Tiên	78,94	95,00	71	315,94		
12	TH 142	Nguyễn Thị Mùi	Nữ	03/02/1991	Tiên Ngoại - Duy Tiên	75,11	95,00	60	290,11		
13	TH 143	Hoàng Thị Ngân	Nữ	17/6/1990	Yên Bắc - Duy Tiên	76,00	85,00	68	297		
14	TH 144	Nguyễn Xuân Ngọc	Nam	07/8/1990	Bạch Thượng - Duy Tiên	66,69	72,50	23	185,19		
15	TH 145	Vũ Thị Ninh	Nữ	22/02/1986	Thi Sơn - Kim Bảng	72,83	76,67	75	299,5		
16	TH 146	Thạch Xuân Phong	Nam	05/12/1990	Yên Bắc - Duy Tiên	67,76	80,00	41	229,76		
17	TH 147	Lương Thị Thu Phương	Nữ	09/12/1987	Mộc Nam - Duy Tiên	76,77	97,50	72	318,27		
18	TH 148	Nguyễn Văn Phượng	Nam	08/3/1984	Hòa Mạc - Duy Tiên	65,53	70,00	48	231,53		
19	TH 149	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	27/12/1990	Đồng Văn - Duy Tiên	75,07	76,67	47	245,74		
20	TH 150	Trần Văn Thịnh	Nam	28/11/1984	Yên Nam - Duy Tiên	72,94	86,67	78	315,61	Hoàn thành NVQS	

CHỦ TỊCH
PHẠM HỒNG THA

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
21	TH 151	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	26/7/1973	Tiên Nội - Duy Tiên	75,90	70,00	51	247,9		
22	TH 152	Trần Bích Trâm	Nữ	27/10/1987	Đọi Sơn - Duy Tiên	71,58	66,67	60	258,25		
23	TH 153	Trần Quang Trung	Nam	09/11/1981	Trác Văn - Duy Tiên	73,13	95,00	34,8	237,73		Đã trừ 40% đ KTSH
24	TH 154	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	19/12/1979	Đồng Văn - Duy Tiên	79,60	75,00	7,8	170,2	Con thương binh	Đã trừ 40% đ KTSH
25	TH 155	Nguyễn Thu Tươi	Nữ	25/9/1988	Đồng Văn - Duy Tiên	72,71	73,33	65	276,04		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Vũ Trung

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Vũ Hữu Dũng

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Hồng Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

KẾT QUẢ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM KIỂM TRA SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV
MÔN DỰ TUYỂN: ÂM NHẠC

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Duy Tiên)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi c
1	TH 156	Đặng Thị Hoa	Nữ	14/9/1989	Châu Giang - Duy Tiên	74,90	62,50	19	175,4		
2	TH 157	Bùi Thị Hoa	Nữ	03/6/1987	Tiên Phong - Duy Tiên	77,46	100,00	58	293,46		
3	TH 158	Bùi Thị Hồng	Nữ	01/6/1981	Châu Giang - Duy Tiên	63,44	71,67	35	205,11		Con bệnh
4	TH 159	Nguyễn Thị Kim Huệ	Nữ	15/6/1986	Mộc Nam - Duy Tiên	65,00	82,75	50	247,75		
5	TH 160	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	11/3/1985	Yên Bắc - Duy Tiên	72,54	95,00	59	285,54		
6	TH 161	Nguyễn Phú Kiên	Nam	08/7/1988	Yên Nam - Duy Tiên	71,55	70,00	32	205,55		
7	TH 162	Nguyễn Tiến Lâm	Nam	10/9/1982	Duy Minh - Duy Tiên	75,17	80,00	38	231,17		
8	TH 163	Nguyễn Thị Như	Nữ	06/10/1987	Tiên Ngoại - Duy Tiên	72,60	83,33	37	229,93	Con thương binh	
9	TH 164	Lê Thị Thanh	Nữ	27/10/1981	Hoàng Đông - Duy Tiên	83,03	93,33	60	296,36	Con thương binh	
10	TH 165	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	15/11/1991	Yên Nam - Duy Tiên	68,20	68,20	49	234,4		
11	TH 166	Trương Thị Thúy	Nữ	14/8/1984	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	77,21	86,67	46	255,88		
12	TH 167	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	14/9/1988	Hoàng Đông - Duy Tiên	76,63	83,33	34	227,96		
13	TH 168	Hoàng Thanh Thủy	Nữ	11/5/1987	Hòa Mạc - Duy Tiên	73,65	95,00	63	294,65		
14	TH 169	Đỗ Văn Tùng	Nam	03/7/1988	Hoàng Đông - Duy Tiên	71,76	86,67	70	298,43		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Vũ Trung

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Vũ Hữu Dũng

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Hồng Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

KẾT QUẢ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM KIỂM TRA SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG IV
MÔN DỰ TUYỂN: DẠY CÁC MÔN CHUNG (VĂN HÓA)

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Duy Tiên)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	TH 170	Nguyễn Tú Anh	Nữ	08/9/1996	Hòa Mạc - Duy Tiên	84,10	84,10	57	282,2		
2	TH 171	Lê Lan Anh	Nữ	19/12/1994	Đồng Văn - Duy Tiên	73,89	75,00	58	264,89		
3	TH 172	Lê Thị Lan Anh	Nữ	12/11/1993	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	80,91	90,00	76	322,91		
4	TH 173	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	16/5/1992	Tiên Ngoại - Duy Tiên	69,82	70,00	33	205,82	Con Thương binh	
5	TH 174	Phạm Thị Bách	Nữ	24/8/1989	Mộc Nam - Duy Tiên	78,47	86,67	52	269,14		
6	TH 175	Phạm Thị Ngọc Bích	Nữ	12/6/1991	Châu Giang - Duy Tiên	85,34	95,00	71	322,34		
7	TH 176	Phạm Thị Ca	Nữ	24/5/1989	Tiên Nội - Duy Tiên	76,23	76,67	37	226,9		
8	TH 177	Nguyễn Thị Chi	Nữ	29/3/1993	Duy Minh - Duy Tiên	67,41	80,00	28	203,41		
9	TH 178	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	20/7/1992	Tiên Hải - Phủ Lý	69,22	72,50	26	193,72		
10	TH 179	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	10/6/1988	Tiên Hải - Phủ Lý	75,10	83,33	51	260,43		
11	TH 180	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	12/8/1993	Đồng Văn - Duy Tiên	68,00	90,00	56	270		
12	TH 181	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	02/5/1991	Duy Minh - Duy Tiên	71,45	85,00	30	216,45		
13	TH 182	Phan Thị Thùy Dung	Nữ	04/4/1991	Hòa Mạc - Duy Tiên	68,32	71,67	51	241,99		
14	TH 183	Lê Thị Duyên	Nữ	20/6/1988	Bình Mỹ - Bình Lục	72,98	85,00	51	259,98		
15	TH 184	Trần Thị Duyến	Nữ	03/11/1982	Duy Hải - Duy Tiên	80,56	83,33	50	263,89		
16	TH 185	Trần Thị Hồng Gấm	Nữ	21/11/1987	Yên Nam - Duy Tiên	71,26	78,33	51	251,59		
17	TH 186	Nguyễn Hương Giang	Nữ	28/10/1991	Duy Minh - Duy Tiên	68,43	78,33	59	264,76		
18	TH 187	Nguyễn Trường Giang	Nữ	14/12/1988	Yên Bắc - Duy Tiên	72,45	76,67	40	229,12		

CHỦ TỊCH
PHẠM HỒNG T

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	TH 188	Trịnh Thị Thu Hà	Nữ	10/5/1991	Yên Bắc - Duy Tiên	82,10	82,10	86	336,2		
20	TH 189	Trương Thị Hà	Nữ	16/10/1990	Trác Văn - Duy Tiên	73,86	80,00	57	267,86		
21	TH 190	Nguyễn Thanh Hà	Nữ	07/6/1986	Hòa Mạc - Duy Tiên	79,29	88,33	56	279,62		
22	TH 191	Nguyễn Thị Hân	Nữ	22/8/1993	Nhật Tân - Kim Bảng	69,45	85,00	31	216,45		
23	TH 192	Lê Thị Hằng	Nữ	29/11/1990	Yên Bắc - Duy Tiên	71,55	80,00	68	287,55		
24	TH 193	Lê Thúy Hằng	Nữ	22/02/1991	Châu Giang - Duy Tiên	70,71	76,67	50	247,38		Con bệnh bin
25	TH 194	Phạm Thị Hằng	Nữ	03/10/1987	Bạch Thượng - Duy Tiên	73,14	73,33	51	248,47		
26	TH 195	Phạm Thị Hằng	Nữ	15/11/1989	Đồng Văn - Duy Tiên	80,88	86,67	59	285,55		
27	TH 196	Dương Thị Hạnh	Nữ	12/8/1990	Duy Minh - Duy Tiên	72,56	80,00	59	270,56		
28	TH 197	Lê Thị Hạnh	Nữ	12/7/1992	Yên Nam - Duy Tiên	76,00	90,00	55	276		
29	TH 198	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	30/9/1990	Hòa Mạc - Duy Tiên	71,52	75,00	52	250,52		
30	TH 199	Trần Thị Hảo	Nữ	28/9/1995	Đọi Sơn - Duy Tiên	73,10	73,10	51	248,2		Con bệnh bin
31	TH 200	Đặng Thị Hiền	Nữ	21/7/1991	Yên Nam - Duy Tiên	66,25	71,67	51	239,92		
32	TH 201	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	07/6/1983	Bạch Thượng - Duy Tiên	67,85	91,67	29	217,52		
33	TH 202	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	20/4/1989	Tiên Ngoại - Duy Tiên	73,67	88,33	33	228		
34	TH 203	Vũ Minh Hiếu	Nữ	22/11/1996	Yên Nam - Duy Tiên	85,10	85,10	61	292,2		
35	TH 204	Trần Thị Hoa	Nữ	12/11/1990	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	67,63	80,00	55	257,63		
36	TH 205	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	15/4/1988	Bạch Thượng - Duy Tiên	72,79	83,33	52	260,12		
37	TH 206	Vũ Thị Thanh Hoài	Nữ	02/8/1994	Tiên Phong - Duy Tiên	80,90	80,90	74	309,8		
38	TH 207	Nguyễn Công Hoan	Nam	12/01/1987	Trác Văn - Duy Tiên	66,97	70,00	74	284,97		Con người nhiễm C
39	TH 208	Đàm Thị Thu Hồng	Nữ	20/8/1991	Duy Minh - Duy Tiên	83,10	95,00	62	302,1		
40	TH 209	Nguyễn Thị Hương	Nữ	22/4/1990	Hoàng Đông - Duy Tiên	74,51	83,33	59	275,84		

CHỦ TỊCH
PHẠM HỒNG TH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
41	TH 210	Nguyễn Thị Hương	Nữ	04/9/1987	Hoàng Đông - Duy Tiên	64,14	76,67	39	218,81		
42	TH 211	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	05/12/1992	Yên Bắc - Duy Tiên	81,53	73,33	65	284,86		
43	TH 212	Lê Thị Mai Hương	Nữ	04/9/1989	Hòa Mạc - Duy Tiên	65,64	80,00	51	247,64		
44	TH 213	Lương Thanh Huyền	Nữ	12/7/1989	Yên Bắc - Duy Tiên	69,86	73,33	65	273,19		
45	TH 214	Nguyễn Văn Kỳ	Nam	25/7/1989	Châu Giang - Duy Tiên	67,96	73,33	26	193,29	Con thương binh	
46	TH 215	Nguyễn Tiến Lâm	Nam	12/5/1987	Hòa Mạc - Duy Tiên	69,03	71,67	53	246,7		
47	TH 216	Nguyễn Thị Lan	Nữ	12/10/1987	Tiên Nội - Duy Tiên	67,76	87,50	35	225,26		
48	TH 217	Nguyễn Thị Thúy Lành	Nữ	14/3/1990	Yên Nam - Duy Tiên	73,00	91,67	50	264,67		
49	TH 218	Dương Thúy Lệ	Nữ	25/7/1989	Đọi Sơn - Duy Tiên	68,96	80,00	52	252,96		
50	TH 219	Bùi Thị Lệ	Nữ	12/11/1986	Yên Bắc - Duy Tiên	75,59	85,00	70	300,59		
51	TH 220	Trương Mỹ Linh	Nữ	25/4/1995	Trác Văn - Duy Tiên	77,60	77,60	69	293,2		
52	TH 221	Lê Thùy Linh	Nữ	20/9/1991	Châu Giang - Duy Tiên	74,14	75,00	25	199,14		
53	TH 222	Hà Thị Thùy Linh	Nữ	14/3/1987	Mộc Bắc - Duy Tiên	71,71	80,00	68	287,71		
54	TH 223	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	20/8/1990	Mộc Bắc - Duy Tiên	74,74	76,67	39	229,41	Con thương binh	
55	TH 224	Lê Thị Loan	Nữ	24/02/1991	Châu Giang - Duy Tiên	71,39	81,67	50	253,06		
56	TH 225	Nguyễn Thị Loan	Nữ	15/8/1987	Hoàng Đông - Duy Tiên	66,91	70,00	58	252,91		
57	TH 226	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	22/5/1995	Duy Hải - Duy Tiên	75,90	75,90	38	227,8		
58	TH 227	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	05/8/1990	Châu Giang - Duy Tiên	79,71	80,00	62	283,71		
59	TH 228	Phạm Thị Út Loan	Nữ	15/10/1986	Yên Bắc - Duy Tiên	75,93	83,33	50	259,26		
60	TH 229	Hoàng Thị Ly	Nữ	06/6/1993	Hoàng Đông - Duy Tiên	74,00	80,00	38	230		
61	TH 230	Nguyễn Thị Lý	Nữ	11/3/1991	Hòa Mạc - Duy Tiên	68,86	78,33	30	207,19		
62	TH 231	Chu Thị Mai	Nữ	11/5/1989	Mộc Bắc - Duy Tiên	64,62	81,67	51	248,29		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
63	TH 232	Ngô Thị Mai	Nữ	29/11/1996	Liêm Thuận - Thanh Liêm	71,60	71,60	52	247,2		
64	TH 233	Lưu Thị Minh	Nữ	29/6/1991	Mộc Bắc - Duy Tiên	72,51	71,67	50	244,18		
65	TH 234	Chu Thị Nà	Nữ	20/12/1990	Trác Văn - Duy Tiên	68,41	78,33	52	250,74		Con bệnh bin
66	TH 235	Chu Thị Kim Nguyệt	Nữ	23/8/1991	Hòa Mạc - Duy Tiên	72,61	78,33	55	260,94		
67	TH 236	Hoàng Thị Hồng Nhung	Nữ	25/11/1980	Châu Giang - Duy Tiên	74,50	76,67	52	255,17		
68	TH 237	Hoàng Thị Hồng Nhung	Nữ	12/4/1987	Tiên Phong - Duy Tiên	68,85	85,00	50	253,85		
69	TH 238	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	14/8/1992	Châu Sơn - Duy Tiên	70,55	90,00	70	300,55		
70	TH 239	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	07/6/1991	Nhật Tựu - Kim Bảng	71,68	75,00	51	248,68		
71	TH 240	Nguyễn Thị Phú	Nữ	01/01/1986	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	66,15	65,00	51	233,15		
72	TH 241	Phạm Thị Hồng Phúc	Nữ	27/11/1991	Tiên Nội - Duy Tiên	75,34	90,00	58	281,34		Con bệnh bin
73	TH 242	Nguyễn Thị Phước	Nữ	12/12/1989	Nhật Tân - Kim Bảng	71,90	75,00	51	248,9		
74	TH 243	Lê Thị Hà Phương	Nữ	13/12/1989	Tiên Nội - Duy Tiên	75,14	83,33	55	268,47		
75	TH 244	Đinh Thị Phượng	Nữ	07/5/1995	Tiên Ngoại - Duy Tiên	80,60	80,60	60	281,2		
76	TH 245	Vũ Thị Quyên	Nữ	17/10/1985	Hòa Mạc - Duy Tiên	65,12	58,33	35	193,45		
77	TH 246	Lã Thị Quyết	Nữ	19/8/1986	Trác Văn - Duy Tiên	71,57	70,00	50	241,57		
78	TH 247	Phạm Thị Thu Quỳnh	Nữ	13/6/1993	La Sơn - Bình Lục	69,09	80,00	36	221,09		
79	TH 248	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	15/10/1987	Trác Văn - Duy Tiên	75,00	88,33	71	305,33		
80	TH 249	Nguyễn Thị San	Nữ	06/02/1993	Duy Minh - Duy Tiên	75,80	75,80	51	253,6		
81	TH 250	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	14/6/1993	Yên Nam - Duy Tiên	72,55	80,00	50	252,55		
82	TH 251	Đào Hồng Thắm	Nữ	14/10/1996	An Đổ - Bình Lục	75,40	75,40	50	250,8		
83	TH 252	Vũ Thu Thảo	Nữ	01/9/1991	Tiên Phong - Duy Tiên	81,70	81,70	82	327,4		
84	TH 253	Vũ Thị Thảo	Nữ	16/4/1990	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	69,52	78,33	59	265,85		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
85	TH 254	Trần Thị Thêm	Nữ	13/10/1992	Thanh Tân - Thanh Liêm	71,82	80,00	51	253,82		
86	TH 255	Nguyễn Thị Thu	Nữ	23/7/1990	Châu Giang - Duy Tiên	75,31	73,33	51	250,64		
87	TH 256	Hà Thị Thu	Nữ	26/6/1990	Trác Văn - Duy Tiên	70,53	68,33	54	246,86		
88	TH 257	Nguyễn Thị Thương	Nữ	05/7/1988	Trác Văn - Duy Tiên	70,36	76,67	54	255,03		
89	TH 258	Đỗ Thị Thương	Nữ	09/12/1982	Mộc Bắc - Duy Tiên	71,22	76,67	80	307,89		
90	TH 259	Tống Thị Thúy	Nữ	08/8/1992	Mộc Bắc - Duy Tiên	73,78	88,75	50	262,53		
91	TH 260	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	16/10/1986	Hòa Mạc - Duy Tiên	75,26	76,67	62	275,93		
92	TH 261	Vũ Thị Thanh Thủy	Nữ	24/5/1979	Châu Giang - Duy Tiên	66,75	63,33	78	286,08		
93	TH 262	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	02/8/1988	Mộc Nam - Duy Tiên	76,19	83,33	52	263,52		
94	TH 263	Nguyễn Thị Tín	Nữ	23/8/1990	Tiên Ngoại - Duy Tiên	70,22	78,33	54	256,55		
95	TH 264	Lê Vũ Thu Trang	Nữ	20/7/1992	Yên Nam - Duy Tiên	82,80	82,80	79	323,6	Con liệt sĩ	
96	TH 265	Phạm Thị Tuyến	Nữ	02/10/1991	Yên Bắc - Duy Tiên	80,36	90,00	50	270,36		
97	TH 266	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	07/9/1990	Trác Văn - Duy Tiên	72,76	80,00	70	292,76		
98	TH 267	Phạm Thị Ánh Tuyết	Nữ	12/11/1990	Tiên Nội - Duy Tiên	71,04	80,00	74	299,04		
99	TH 268	Đào Thị Uyên	Nữ	10/01/1995	Mộc Bắc - Duy Tiên	83,80	83,80	37	241,6		
100	TH 269	Phạm Thị Uyển	Nữ	30/10/1990	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	69,57	80,00	51	251,57		
101	TH 270	Trần Thị Vân	Nữ	12/3/1991	Châu Giang - Duy Tiên	81,10	81,10	88	338,2		
102	TH 271	Ứng Thị Thanh Xuân	Nữ	01/11/1992	Tiên Nội - Duy Tiên	70,55	90,00	62	284,55		
103	TH 272	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	22/01/1989	Hòa Mạc - Duy Tiên	75,32	76,67	50	251,99		
104	TH 273	Phạm Thị Xuân	Nữ	04/5/1989	Châu Giang - Duy Tiên	79,21	83,33	55	272,54		
105	TH 274	Trương Thị Yến	Nữ	05/9/1987	Trác Văn - Duy Tiên	75,86	88,75	40	244,61		
106	TH 275	Nguyễn Hải Yến	Nữ	10/10/1987	Hoàng Đông - Duy Tiên	76,51	86,67	35	233,18		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm KT,SH	Tổng điểm	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
107	TH 276	Trương Thị Hải Yến	Nữ	03/9/1989	Yên Bắc - Duy Tiên	72,19	78,33	50	250,52		
108	TH 277	Đinh Thị Hải Yến	Nữ	25/10/1992	Đồng Văn - Duy Tiên	71,50	78,75	51	252,25		
109	TH 278	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	13/6/1987	Chuyên Ngoại - Duy Tiên	74,54	78,33	69	290,87		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Vũ Trung

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Vũ Hữu Dũng

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Hồng Thanh